



## DÂN TỘC HỌC Ở MỸ: ĐẶC ĐIỂM, KHUYNH HƯỚNG VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

NGUYỄN VĂN CHÍNH

Bị cuốn theo “hội chứng nhân loại học” bùng lên từ các nước hậu xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Trung Quốc sau những năm 1990, Dân tộc học Việt Nam gần đây có xu hướng đổi tên gọi từ Dân tộc học (*Ethnology*) sang Nhân loại học (*Anthropology*) và mở rộng mối quan tâm nghiên cứu sang xã hội loài người nói chung thay vì chỉ tập trung vào mô tả văn hóa các tộc người như trước. Hiện tượng này thường được nói tới như một trào lưu đổi mới và hội nhập của Dân tộc học Việt Nam dưới thời kinh tế thị trường. Tuy nhiên, trong khi các quan tâm học thuật về văn hóa tộc người ở Việt Nam dường như đang nhạt dần đi thì nghiên cứu về các tộc người ở Bắc Mỹ lại đang được tăng cường và phát triển. Bài viết này, trên cơ sở khảo sát quá trình hình thành, phát triển cũng như cơ cấu chương trình đào tạo và nghiên cứu Dân tộc học ở các trường đại học (từ đây viết tắt là ĐH), phân tích xu hướng và đặc điểm của Dân tộc học (*ethnic studies*)<sup>1</sup> ở Bắc Mỹ và cuộc tranh luận lý thuyết về tính dân tộc (*ethnicity*), một khái niệm căn bản trong

khoa học Dân tộc học. Tôi cho rằng bên cạnh đặc điểm dân tộc và nhân chủng phức tạp của nước Mỹ thì những thay đổi gần đây trong đời sống văn hóa xã hội của thế giới, đặc biệt là nguy cơ xung đột giữa các nền văn hóa, các tộc người và tôn giáo đang gia tăng đã tác động mạnh đến xu hướng nghiên cứu về dân tộc và chủng tộc ở Mỹ, làm cho môn học này hồi sinh và phát triển mạnh trở lại ở “xã hội hậu khoa học” này<sup>2</sup>.

### 1. Xu hướng đào tạo và nghiên cứu Dân tộc học ở các trường đại học Bắc Mỹ

Khảo cứu thông tin tự giới thiệu về chương trình đào tạo khoa học xã hội nhân văn của các trường đại học Bắc Mỹ, ta có thể nhận thấy các trường này đều có bộ môn đào tạo về Dân tộc học với các quy mô khác nhau, từ cấp chương trình (*program*, như ở ĐH Cornell), đến cấp bộ môn (*department*, có ở hầu hết các đại học công của các bang),

<sup>1</sup> Khái niệm dân tộc học (*ethnic studies*) được nói tới ở đây tương đối khác với dân tộc học (*ethnology*) và nhân loại học (*anthropology*) mà chúng ta biết đến ở Việt Nam. Vấn đề này sẽ được thảo luận trong bài viết.

<sup>2</sup> Theo Tạp chí *Tia Sáng*, từ giữa thế kỷ XX thế giới đã tiến vào *xã hội khoa học* và một bộ phận tiên tiến đã bước sang giai đoạn *xã hội hậu khoa học* từ đầu thế kỷ XXI trong khi Việt Nam vẫn ở giai đoạn *tiền khoa học* (Tổng hợp thông tin của Nguyễn Mạnh Quân, “Xã hội hậu khoa học” và những gợi suy cho Việt Nam, Báo *Tia Sáng* 17/8/2010, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=3397&CategoryID=36>

và lớn hơn là các khoa/trường (*college*, như ở ĐH Colorado) và học viện (*institute*, như ở ĐH Nebraska-Lincoln). Đáng lưu ý là các bộ môn hay học viện đào tạo chuyên sâu về *ethnic studies* ở các đại học Bắc Mỹ chỉ mới được lập ra trong khoảng thời gian từ sau những năm 1970 đến cuối những năm 1990. Điều này có nghĩa rằng *ethnic studies* vẫn còn là một lĩnh vực mới của nghiên cứu và đào tạo chuyên nghiệp ở Bắc Mỹ. Sự phát triển của ngành *ethnic studies* được cho là gắn liền với phong trào quyền dân sự hình thành từ những năm cuối 1960 và 70 ở Mỹ trong đó những người thiểu số da màu ngày càng ý thức rõ hơn vai trò của mình trong xã hội. Đại học San Francisco State University có thể được xem là nơi tiên phong trong việc phát triển ngành Dân tộc học ở Mỹ. Với sự nỗ lực góp sức của các hội đoàn thiểu số da màu như Black Student Union, Latin American Students Organization, Asian American Political Alliance, Pilipino American Collegiate Endeavor, và Native American Students Union, một trường đào tạo về *ethnic studies* đã được lập ra ở đại học này từ năm 1969. Chỉ sau đó vài năm, Hội nghiên cứu các dân tộc ở Mỹ (*The National Association for Ethnic Studies*) đã được thành lập (1972) nhằm tạo ra một môi trường học thuật liên ngành về những chiều kích khác nhau của vấn đề tộc người ở tầm quốc gia và quốc tế<sup>3</sup>. Từ đó trở đi, các trường đại học danh tiếng ở Mỹ bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến vấn đề dân tộc, dẫn đến sự ra đời hàng loạt các bộ môn nghiên cứu và đào tạo về Dân tộc học.

Trước hết, cần phải nói rằng Dân tộc học Mỹ đặt mỗi quan tâm chính vào các tộc người/chủng tộc đang sinh sống ở trong lãnh thổ quốc gia và mối quan hệ khu vực và quốc tế của họ. Trọng tâm đào tạo và quan tâm nghiên cứu của các bộ môn và học viện Dân tộc học thuộc các trường đại học lớn ở Bắc Mỹ hướng vào ba vấn đề lớn: 1) Tộc người (*ethnicity*), chủng tộc (*race*) và quan hệ tộc người (*ethnic relations*); 2) Tính bản địa (*indigeneity*) và bản sắc (*identity*) của các tộc người và chủng tộc; và 3) Lịch sử nhập cư và các mối liên hệ xuyên quốc gia và khu vực của các sắc tộc ở Mỹ.

Ngoài ra, mỗi bộ môn lại có xu hướng nhấn mạnh vào một vài quan tâm chuyên sâu về các chủ đề như trào lưu xã hội, lịch sử chính trị, ngôn ngữ, tiếp biến văn hóa, tình trạng phân biệt đối xử, các khuôn mẫu bệnh tật, vấn đề giới và tính dục ở các dân tộc/cộng đồng da màu khác nhau.

Gần đây, các bộ môn Dân tộc học có xu hướng mở rộng nghiên cứu ra nhóm dân da trắng và hướng đến các phân tích so sánh văn hóa, lối sống của các nhóm cư dân. Với tư cách là một hợp phần của Dân tộc học, nghiên cứu về dân da trắng (*whiteness studies*) có khuynh hướng tập trung vào các khía cạnh như địa vị chính trị và luật pháp của người da trắng đã được cấu trúc và bảo vệ như thế nào trong mối liên hệ với các nhóm da màu khác. Chủ nghĩa chủng tộc (*racism*) và các điều kiện xã hội, chính trị và kinh tế thường được chú ý xem xét như là những yếu tố đầu tiên tạo ra và sắp đặt quan hệ giữa các sắc dân ở Mỹ.

Về mặt phương pháp nghiên cứu, *ethnic studies* Mỹ luôn khẳng định đây là một khoa học dựa trên phương pháp liên

<sup>3</sup> Thông tin chi tiết về Hội Dân tộc học Mỹ, xin xem tại trang web <http://ethnicstudies.org/>

ngành (*interdisciplinary*) trong khi một vài bộ môn cho rằng họ có xu hướng kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu (Dân tộc học) truyền thống và hiện đại. Gần đây, so sánh văn hóa như một phương pháp tiếp cận cũng được đưa vào chương trình đào tạo dân tộc học ở nhiều bộ môn Dân tộc học.

Đối tượng nghiên cứu và giảng dạy chính ở các bộ môn Dân tộc học Mỹ là bốn nhóm sắc dân thiểu số, bao gồm người Mỹ gốc Phi (African American), người Mỹ gốc Á (Asian American), người Mỹ gốc Latin (Chicano/Hispanic, hay cư dân gốc Ý, Tây ban Nha, Bồ Đào Nha), và thổ dân Mỹ (Native American). Do đặc thù của tiêu bang, một vài đại học còn mở rộng giảng dạy về các nhóm thổ dân Hawaiians, Nhật bản, Hoa, Filipinos và cả người da trắng (Caucasians).

Trong khi việc nghiên cứu và giảng dạy Dân tộc học của các trường đại học có xu hướng ngày càng mở rộng thì bộ môn này cũng thường nhận được nhiều ý kiến phê phán, đặc biệt là sự trỗi dậy của trào lưu tư tưởng bảo thủ (*conservative movement*) ở Mỹ những năm 1990. Những người đi theo trào lưu tư tưởng này cho rằng Dân tộc học Mỹ thực ra chỉ là sản phẩm của tư tưởng cánh tả, nó chỉ có tác dụng hủy hoại các giá trị học thuật của khoa học. Năm 1998, nhà Dân tộc học nổi tiếng về lịch sử và văn hóa thổ dân Mỹ Ward LeRoy Churchill (Giáo sư Dân tộc học, Đại học Colorado at Boulder) đã cho xuất bản một nghiên cứu gây tranh cãi về chủ nghĩa hòa bình của Mỹ. Trong đó, ông cho rằng chủ nghĩa hòa bình thực ra chỉ là một trò hề đạo đức giả, trên thực tế là chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và không có hiệu lực. Ông cũng cho rằng chính sách thổ dân

của Mỹ độc ác như một chủ trương diệt chủng. Đặc biệt, ông tranh luận rằng việc Hoa Kỳ đặt ra Luật về Huyết Thống (*Blood Quantum Law*)<sup>4</sup> dựa trên nguyên tắc về huyết thống (*descendancy*) là nhằm phục vụ mục đích làm giàu cho cá nhân và là một thủ đoạn chính trị (Churchill, 1998). Với chủ trương phê phán chính sách dân tộc của Nhà nước và việc khai báo nguồn gốc thổ dân không rõ ràng của mình, ông bị kết luận là có hành vi sai trái và bị đuổi khỏi trường đại học. Tuy nhiên, tư tưởng của ông đã được những người cánh hữu sử dụng, làm bùng lên cuộc tranh luận phê phán bộ môn Dân tộc học của các trường đại học Mỹ, xem nó như những hang ổ của chủ nghĩa chống lại nước Mỹ, nơi chỉ để quảng bá cho tư tưởng xem các nhóm dân tộc như là những “nạn nhân” của xã hội Mỹ hơn là sản xuất ra các tư tưởng học thuật nghiêm túc (Churchill, Spring 2005).

<sup>4</sup> *Blood Quantum Laws*, hay còn gọi là *Indian Blood Laws* được tạo ra lần đầu tiên vào năm 1705 ở bang Virginia, lúc ban đầu là để hạn chế các quyền của thổ dân Mỹ hoặc người lai thổ dân. Luật này ít được vận dụng cho đến năm 1934, khi chính phủ Mỹ ra đạo luật công nhận người thổ dân (*Indian Reorganization Act*), đã sử dụng luật này để công nhận tư cách thành viên tộc người/thổ dân của công dân Mỹ. Theo luật này thì thành viên một tộc người thổ dân Mỹ có quyền lợi tài chính và các quyền lợi khác theo các thỏa thuận bất động sản hoặc mua bán đất đai. Lượng huyết thống (*blood quantum*) là thuật ngữ được dùng để mô tả mức độ gần hay xa của tổ tiên một cá nhân để xem người đó có còn thuộc về thành viên của một chủng tộc hay một nhóm dân tộc thổ dân hay không. Ví dụ, để xác định xem một người còn là “thổ dân” chính hiệu hay không, người ta truy nguyên gốc gác tổ tiên nhiều đời trước của người đó thông qua lịch sử kết hôn với người cùng tộc/giống hay khác tộc, và từ đó đưa ra một tiêu chí để tính xem “lượng máu” (*blood quantum*) thổ dân còn là bao nhiêu phần trăm. Tuy nhiên, mỗi bang lại có tiêu chí khác nhau để xác định xem một cá nhân có còn thuộc về tộc/chủng của mình không hay gốc gác đã nhạt vì lai trắng qua nhiều đời rồi. Xem: Paul Spruhan (2001), “[A Legal History of Blood Quantum in Federal Indian Law to 1935](#)”, Social Science Electronic Publishing, Inc.

Cuộc tranh luận về tầm quan trọng của Dân tộc học đối với xã hội Mỹ trở nên âm ỹ hơn vào những năm 1990 ở bang Arizona, khi một số nhà chính trị bảo thủ của bang này cho rằng Dân tộc học đã trở nên lỗi thời vì nó được tạo ra bởi và chỉ để cho một số nhóm sắc tộc riêng. Nó quảng bá lòng thù hận người da trắng và tinh thần cố kết của các nhóm thiểu số. Bản chất nguy hại và vô bổ của Dân tộc học là ở chỗ nó tạo ra sự chia rẽ xã hội mà trước đó không tồn tại. Thay vì tập trung vào các nhóm sắc tộc riêng rẽ, các nhà chính trị cấp tiến bang Arizona cho rằng Dân tộc học cần nghiên cứu và giảng dạy về đa dạng văn hóa, vì theo họ, đó mới là đặc trưng văn hóa của nước Mỹ và đào tạo phải phản ánh được đặc điểm đó (Okihoro, 2010)<sup>5</sup>. Thậm chí, đi xa hơn, vào tháng 5/2010, bang Arizona đã quyết định bãi bỏ việc giảng dạy môn Dân tộc học ở các trường phổ thông vì theo lãnh đạo bang, nó truyền bá tinh thần cố kết dân tộc và lòng oán hận đối với các chủng tộc và giai tầng xã hội khác hoặc nhắm vào việc phê phán chính sách của chính phủ Mỹ (Dills, 2012; xem thêm: CNN, 13/5/2010; <http://revcom.us/a/202/arizona-en.html>)<sup>6</sup>.

<sup>5</sup> Gary Y. Okihoro là Giáo sư về chính sách công và quan hệ quốc tế ở Đại học Columbia, Mỹ. Ông đồng thời là người sáng lập Trung tâm Nghiên cứu Dân tộc học và Chủng tộc thuộc ĐH Columbia. Xem bài viết của ông “Tương lai của Dân tộc học” [The Future of Ethnic Studies, The field is under assault from without and within] đăng trên <http://chronicle.com/article/The-Future-of-Ethnic-Studies/66092/>.

<sup>6</sup> Dills, Isabelle, Educators speak out for ethnic studies. *Napavalley Register*, 5 May 2012. [http://napavalleyregister.com/news/local/educators-speak-out-for-ethnic-studies/article\\_68b242b8-9666-11e1-b7ee-0019bb2963f4.html](http://napavalleyregister.com/news/local/educators-speak-out-for-ethnic-studies/article_68b242b8-9666-11e1-b7ee-0019bb2963f4.html). Xem thêm: “Arizona limits ethnic studies in public schools. *CNN*, 13 May 2010; “Arizona Law Targets Ethnic Studies”, <http://revcom.us/a/202/arizona-en.html>

Tuy nhiên, quan điểm của bang Arizona chỉ là cá biệt. Quan điểm chung của những người đấu tranh cho sự cần thiết phải phát triển môn Dân tộc học trong hệ thống giáo dục phổ thông và đại học Mỹ tranh luận rằng Dân tộc học đã ăn sâu bén rễ trong lịch sử, truyền thống và triết lý của người dân da màu Mỹ. Nó cổ vũ cho sự công bằng và bình đẳng xã hội, tạo ra và truyền cảm hứng cho những tiếng nói mới trong khoa học để hiểu đầy đủ hơn về câu chuyện của nước Mỹ. Hơn thế, nó có vai trò trong thay đổi các quan điểm học thuật bất chấp những luận thuyết truyền bá sai lệch về các giá trị căn bản (Monteiro, 2010).

Quyết định của bang Arizona bãi bỏ môn Dân tộc học trong chương trình giáo dục phổ thông đã vấp phải sự phản đối dữ dội của công luận, và thậm chí là sự tẩy chay hợp tác của các bang khác (CNN, 13/5/2010). Cần nhắc lại rằng một bước ngoặt trong lịch sử Dân tộc học Mỹ được ghi vào năm 1996 khi hàng ngàn giáo viên và sinh viên ĐH Columbia Mỹ đã tổ chức biểu tình đòi lãnh đạo nhà trường phải ngay lập tức thành lập bộ môn Dân tộc học. Chỉ sau 10 ngày phản đối tuyệt thực, lãnh đạo đại học đã nhượng bộ, và ngay trong năm đó, Bộ môn Dân tộc học được thành lập (<http://www.asianweek.com/051096/CampusPoli.html>). Những tranh cãi liên quan đến vai trò của Dân tộc học trong chương trình giáo dục phổ thông và đại học đã tạo được sự quan tâm đặc biệt của Hiệp hội Giáo dục Quốc gia Hoa Kỳ (*The National Education*), một tổ chức đại diện cho 3,2 triệu giáo viên tiểu học, trung học và đại học Mỹ. Năm 2011, tổ chức này đã tiến hành một cuộc điều tra quy mô lớn nhằm đánh giá vai trò

của Dân tộc học trong chương trình giáo dục quốc gia. Báo cáo điều tra kết luận rằng “cả sinh viên da màu và da trắng đều nhận thấy môn Dân tộc học mang lại cho họ lợi ích không chỉ về học thuật mà cả về xã hội. Chương trình giảng dạy Dân tộc học được thiết kế hết sức khoa học, nó giúp cho sinh viên lấp đầy những khác biệt vốn đã tồn tại trong thực tế và lý thuyết. Và do đó, dân tộc có một vai trò quan trọng trong việc xây đắp một nền dân chủ đa văn hóa thực sự và phát triển của hệ thống giáo dục. Kết luận của Hiệp hội Giáo dục Mỹ đã cho thấy Dân tộc học có một ý nghĩa và vai trò quan trọng như thế nào trong hệ thống giáo dục và đào tạo của Mỹ” (Sleeter, 2011).

Cuộc tranh luận về vai trò của Dân tộc học trong hệ thống đào tạo của nước Mỹ vẫn đang tiếp diễn, và đó là hiện tượng bình thường trong một xã hội dân chủ khoa học mà ai cũng có quyền tự do phát biểu quan điểm của mình. Những tranh luận phản đối hay ủng hộ nói trên dường như không ảnh hưởng nhiều đến Dân tộc học Mỹ. Môn học này vẫn không ngừng mở rộng quy mô đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu trên cơ sở liên ngành. Tuy nhiên, cũng cần phải nhìn nhận rằng các tranh luận về vai trò của Dân tộc học ở Mỹ đã nêu trên dường như chịu tác động của hơi hướng chính trị của các đảng phái khác nhau và quan điểm quản lý xã hội của họ.

## 2. Đặc điểm của Dân tộc học Mỹ (sự khác biệt giữa *ethnic studies* và *ethnology*)

Trước hết, về lịch sử hình thành và phát triển, Dân tộc học *ethnic studies* ở Mỹ là một ngành học mới được hình thành gần đây, có lịch sử muộn hơn nhiều so với

*ethnology*. Bộ môn *ethnic studies* được thành lập sớm nhất như ở Đại học Colorado cũng chỉ mới có lịch sử từ năm 1969, phần lớn các bộ môn và trung tâm hay viện nghiên cứu còn lại ra đời từ cuối những thập niên 1970 đến 1990<sup>7</sup>. *Ethnology* chủ yếu được xem là một khoa học gắn với chủ nghĩa thực dân, thấm đẫm tinh thần *eurocentric* lấy châu Âu làm trung tâm để nghiên cứu các nền văn hóa ngoài châu Âu. Trong khi đó, *ethnic studies* ra đời trong hoàn cảnh bùng nổ cuộc đấu tranh của người thiểu số da màu ở Mỹ chống lại sự phân biệt đối xử và bất bình đẳng xã hội, và do đó, có xu hướng quan tâm nhiều hơn vào các phân tích có tính phê phán cấu trúc xã hội dựa trên chủng tộc và sắc tộc của nước Mỹ.

Thứ hai, về đối tượng nghiên cứu, cả hai ngành học đều có mối quan tâm nghiên cứu chung về các dân tộc và chủng tộc. Các đề tài kinh điển của hai ngành học này chủ yếu vẫn xoay quanh phân tích và so sánh nguồn gốc, sự phân bố, kỹ thuật học, tôn giáo, ngôn ngữ, và cấu trúc xã hội của các dân tộc/chủng tộc. Tuy nhiên, bộ môn *ethnic studies* chủ yếu tập trung vào các dân tộc và chủng tộc thiểu số da màu sinh sống trên lãnh thổ nước Mỹ và quan hệ của các tộc này với cội nguồn gốc gác của họ ở nơi xuất cư. Trong khi đó, *ethnology* có khuynh hướng tiếp tục truyền thống Dân tộc học thực dân, nghiên cứu các tộc người và chủng tộc trên thế giới, đặc biệt là các dân tộc và chủng tộc ở các châu lục đang phát triển Á, Phi và Mỹ La tinh.

<sup>7</sup> Hội Dân tộc học Mỹ (*The National Association for Ethnic Studies, NAES*) được thành lập vào năm 1972 có tác dụng như một tổ chức nghề nghiệp thúc đẩy các hoạt động đào tạo và nghiên cứu Dân tộc học ở nước Mỹ. <http://ethnicstudies.org/>

Thứ ba, về bản chất của phương pháp tiếp cận trong đào tạo và nghiên cứu, *ethnic studies* là một ngành học có tính liên ngành (*interdisciplinary*) và đa ngành (*multidisciplinary*) trong khi *ethnology* là một chuyên ngành (*specialized disciplinary*) thuộc khoa Nhân loại học (*anthropology*) có khuynh hướng nghiên cứu cơ bản và quan tâm khoa học rộng hơn. Gần đây, chúng ta thấy trong nghiên cứu và đào tạo, *ethnology* cũng bắt đầu nhấn mạnh vào tiếp cận liên ngành và ứng dụng, nhưng về bản chất học thuật, bộ môn này vẫn được xem là một chuyên ngành độc lập và nghiên cứu cơ bản về văn hóa - xã hội các tộc người. Việc vận dụng các nguyên tắc tiếp cận của các khoa học khác chỉ nhằm mục đích làm sâu hơn kiến thức chuyên ngành của *ethnology* mà thôi.

### 3. Lý thuyết về tính dân tộc (*ethnicity*) và vấn đề tộc người ở Mỹ

Nhiều người Mỹ có thể biết gốc gác của họ thuộc một tộc người nào đó nhưng việc chứng minh nguồn gốc thì lại là một vấn đề khác. Đã có người hỏi các nhà Dân tộc học Mỹ vấn đề này: “Tôi biết tôi là người dân tộc Cherokee, nhưng làm sao tôi có thể chứng minh được nguồn gốc của mình?”<sup>8</sup>. Nhà nghiên cứu Christina Berry cho biết có một cách để luật pháp Mỹ công nhận thành phần dân tộc của người thổ dân là truy về phả hệ của họ thông qua các ghi chép còn lưu giữ được trong văn khố. Bà cho biết có 16 cuốn sổ ghi chép về quan hệ của người Cherokee với Chính phủ từ năm 1817 đến năm 1924. Các cuốn sổ gốc này,

cùng với tài liệu thống kê của Chính phủ liên bang ở vùng thổ dân Indian trong các năm 1860 - 1900, và điều tra dân số Cherokee 1880 được xem là những tài liệu chính thức giúp những người thổ dân Cherokee truy nguyên về nguồn gốc của mình để được đảm bảo quyền lợi do pháp luật quy định dành cho thổ dân liên quan đến việc mua bán hay phân chia đất đai (Berry, 2008).

Việc tự nhận mình là người thiểu số thuộc một tộc thổ dân Mỹ và muốn được pháp luật thừa nhận chủ yếu để bảo vệ quyền lợi kinh tế của thổ dân. Tuy nhiên, do động cơ của việc xác định là lợi ích kinh tế mà họ thường gặp phải rắc rối vì phải trình ra được bằng chứng xác thực theo luật định. Trường hợp Giáo sư Churchil Ward, một nhà Dân tộc học nổi tiếng về thổ dân là một ví dụ điển hình. Năm 2005, ông tuyên bố mình là một người thổ dân, 3/16 huyết thống của ông thuộc tộc người Cherokee về đấng mẹ, và một tỷ lệ nhất định huyết thống về đấng cha thuộc tộc người Creek. Việc ông tự xác định thành phần tộc người của mình thuộc tộc Cherokee thổ dân Mỹ đã gây ra cuộc tranh cãi âm ỉ vì có ý kiến cho rằng động cơ đằng sau việc ông khai nhận là người Cherokee thổ dân là để được phong chức giáo sư đại học về thổ dân Mỹ. Các nhà phả hệ học đã điều tra nhiều nguồn tài liệu ghi chép về các chi phái của tộc người Cherokee mà theo họ là tộc người sinh sống thành các cộng đồng cư dân ở vùng Virginia, Bắc Carolina, Kentucky, Tennessee, Alabama và Georgia trước năm 1835. Các nhà điều tra cho rằng một người tự cho mình là con cháu của tộc người

<sup>8</sup> Cherokee là tên gọi một tộc người thổ dân Mỹ thuộc nhóm ngôn ngữ Iroquois; <http://www.sjsu.edu/faculty/watkins/chokeokee.htm>

Cherokee thì phải có tổ tiên sinh sống ở các bang này vào thời kỳ trước năm 1835. Dựa vào việc phân tích các phả hệ liên quan đến khai báo của Churchill, các nhà điều tra kết luận “Churchill hoàn toàn là người gốc Âu và không có huyết thống với người Cherokee Indian”. Đây cũng là một trong những lý do khiến ông bị cách chức Giáo sư Dân tộc học và đuổi khỏi trường đại học Colorado (<http://ancestryman.blogspot.com/2005/02/ward-churchill-not-of-native-erican.html>).

Cho đến nay, các tộc người thổ dân Mỹ vẫn sử dụng luật *Blood Quantum Laws* 1934 để xác định tư cách thành viên của tộc người. Luật này đòi hỏi một người được xem là thành viên của một tộc người nếu có dòng dõi tổ tiên được liệt kê trong sổ bộ thống kê của Chính phủ được lập ra từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX với một lượng huyết thống tối thiểu, tùy vào quy định của từng tộc người cụ thể, ví dụ: 5/8 (tộc Ute), 1/4 (tộc Keetoowah) hay 1/16 (tộc Cherokee)...<sup>9</sup>

Tuy nhiên, Luật *Blood Quantum* chỉ là một công cụ tham khảo để chống lại tính không trung thực trong khai báo thành phần tộc người có động cơ vụ lợi. Phải dài dòng dẫn ra ví dụ trên để thấy rằng việc xác định thành phần tộc người của cư dân ở các quốc gia có quá trình di cư, cộng cư và hỗn huyết của nhiều nhóm cư dân thuộc các thành phần nhân chủng và tộc người khác nhau phức tạp như Mỹ, Australia hay Vương quốc Anh, là một việc vô cùng khó khăn. Câu hỏi về gốc gác giống nòi của một con người không chỉ là nhu cầu của một cá nhân,

<sup>9</sup> Xem thêm chú thích 4 về *Blood Quantum Laws* trong bài viết này.

mà cũng là đòi hỏi của công tác quản lý nhà nước nhằm phục vụ chính sách xã hội. Tuy nhiên, dựa vào tiêu chí nào để xác định thành phần tộc người không hề đơn giản. Các quốc gia theo trường phái lý thuyết “văn hóa quyết định luận” (*Cultural Determinism*)<sup>10</sup> trong Dân tộc học như Việt Nam thường lấy tiêu chí ngôn ngữ, đặc điểm văn hóa và ý thức tự giác để xác định thành phần tộc người mà không xem xét đến tiêu chí nguồn gốc lịch sử và chủng tộc<sup>11</sup>. Tuy nhiên, lý luận này không thể áp dụng vào các nước có quá trình hòa nhập sắc tộc/chủng tộc lâu đời như các quốc gia Anh - Mỹ. Trên thực tế, quá trình hội nhập về huyết thống của các chủng tộc và các nền văn hóa ở các xã hội Âu - Mỹ đã trở nên sâu sắc đến nỗi trong nhiều trường hợp một cá nhân không thể tự xác định mình thuộc về chủng tộc hay tộc người nào. Khái niệm đa chủng tộc (*multiracial* hay *mixed-race*) đã được sử dụng để mô tả người hay nhóm người có tổ tiên là người đa chủng tộc/sắc tộc. Những người được gọi là đa chủng tộc/sắc tộc thường có cha mẹ ông bà là người có nhiều hơn hai chủng tộc trong huyết thống của mình<sup>12</sup>.

<sup>10</sup> *Cultural determinism* cho rằng nền văn hóa nuôi dưỡng chúng ta có vai trò quyết định trong việc chúng ta là ai, ở cả cấp độ hành vi ứng xử và tình cảm. Quan điểm này ủng hộ lý thuyết cho rằng ảnh hưởng của môi trường sống chi phối việc chúng ta nhận ra mình là ai chứ không phải dòng dõi huyết thống mà chúng ta thừa hưởng.

<sup>11</sup> Trên thực tế, ở Việt Nam cũng có những cộng đồng đa sắc tộc Á, Âu, Phi đông tới hàng trăm ngàn người do hậu quả của hai cuộc chiến tranh của Pháp và Mỹ ở Đông Dương. Cha mẹ họ có thể là người hỗn huyết Âu, Phi, Anhiêng và có con với phụ nữ sắc tộc Kinh hoặc thiểu số nào đó ở Việt Nam. Con cái của họ thuộc nhóm hỗn huyết và bản thân họ có thể xếp vào nhóm đa sắc tộc/chủng tộc vì họ mang trong mình dòng máu của nhiều sắc tộc và chủng tộc.

<sup>12</sup> Tài liệu thống kê phân loại tộc người ở Anh - Mỹ cho thấy có khoảng 2,7% dân số Mỹ, 2% dân số Canada và

Do đặc điểm có tính lịch sử của cư dân nên vấn đề bản sắc dân tộc (*ethnic identity* hay *ethnicity*) và tính bản địa (*indigeneity*) thường được xem là những trọng tâm trong các tranh luận học thuật của môn Dân tộc học ở Bắc Mỹ. Thực ra, sự quan tâm về bản sắc tộc người hay tính tộc người (*ethnicity*) chỉ trở nên phổ biến trên diễn đàn học thuật ở Bắc Mỹ từ sau những năm 1960, và được thảo luận sâu rộng hơn sau khi hàng loạt bộ môn Dân tộc học được thành lập ở các trường đại học từ năm 1970 trở đi (Barth, 1969a).

Về mặt lý thuyết, cho đến nay tồn tại ba trường phái lớn tiếp cận vấn đề tính dân tộc (*ethnicity*). Các trường phái này được gọi tên là *primordialist* (hay *essentialist*); *instrumentalist* (hay *circumstantialist*); có thể tạm dịch ra tiếng Việt là trường phái bản thể luận và trường phái tình huống luận.

Bản thể luận (thuật ngữ *primordial* có nghĩa là nguyên sơ, gốc) có cội nguồn tư tưởng từ chủ nghĩa lãng mạn trong khoa học xã hội Đức hồi thế kỷ XIX; trong đó, cho rằng tính tộc người là một thực thể khách quan có tính nguyên sơ ban đầu của con người với các đặc điểm về ngôn ngữ, lãnh thổ cư trú, tâm lý chung và là thành viên được công nhận của cộng đồng (Van den Beergh, 1981). Tư tưởng ban đầu này đã được Shils (1957) và Geertz (1973) phát triển thành một hệ thống lý luận (Geertz, 1973). Các tác giả này tin rằng bản sắc/tính tộc người là một tồn tại xã hội được giả thiết là

đã có sẵn ngay từ ban đầu, nói một ngôn ngữ riêng, hoặc một phương ngữ với những tập tục xã hội riêng. Jack Eller và Reed Coughlan (1993, tr. 87) đã tóm tắt tư tưởng của bản thể luận thành ba điểm chính: (1) Bản sắc nguyên sơ ban đầu không đến từ bên ngoài, thông qua tiếp xúc mà mọi tiếp xúc đều được tiến hành từ bên trong thực thể nguyên gốc, do đó, nó là “tự nhiên”, một dạng tình cảm có tính tâm linh và có lịch sử lâu đời; (2) Những tình cảm nguyên sơ ấy “không thể tác động”, chế ngự hay ràng buộc và không thể phân tích được trong mối liên hệ với các tương tác xã hội. Nếu một cá nhân là thành viên của một nhóm, người ấy nhất thiết cảm thấy sự gắn bó với nhóm đó và các tập tục của nó (nhất là ngôn ngữ và văn hóa); (3) Bản thể luận chủ yếu là một trạng thái cảm xúc và một khái niệm mà người ta thường xuyên phải làm với tình cảm hoặc bản sắc khác với các loại bản sắc khác về mặt định tính mà ta có thể gọi là trạng thái dễ xúc động (*affectivity*).

Để tóm tắt, có thể thấy tư tưởng của trường phái bản thể luận được thể hiện ở quan điểm cho rằng:

- Bản sắc tộc người có tính căn bản hơn các loại bản sắc khác. Tính tộc người không phải là vấn đề của sự toan tính duy lý lờ lỏ. Nó thuộc về lĩnh vực xúc cảm.

- Động lực của tính tộc người được thúc đẩy bởi cảm xúc chứ không phải bởi tác động của bối cảnh.

- Xung đột dựa trên tính tộc người là khó tránh và tính trường tồn của bản sắc được xem là đương nhiên.

- Trong khi đó, trường phái *tình huống luận* đưa ra một hệ thống quan điểm đối

---

1,3% dân số Vương quốc Anh tự nhận mình thuộc nhóm đa sắc tộc/chủng tộc. Xem: Aspinall, P. J. (2003), “The conceptualisation and Categorisation of Mixed Race/Ethnicity in Britain and North America: Identity Options and the Role of the State”, *International Journal of Intercultural Relations*, Vol. 27, No. 3, May 2003, tr. 269-296.

ngịch để phản bác. Các nhà nghiên cứu thuộc trường phái này cho rằng tính tộc người thực ra chỉ là một phương tiện đấu tranh tập thể để giành lấy lợi thế vật chất hoặc chính trị trong vũ đài xã hội mà thôi. Các nhà nghiên cứu *tình huống luận* tin rằng những tuyên bố tập thể về tính tộc người và vị thế dân tộc thực ra được dựa trên sự huyền hoặc do giới khoa học và chính trị tạo ra, tuyên truyền và thao túng nhằm tìm kiếm sự công nhận và quyền lực. Tính tộc người được xem như là một phần của một kịch bản được tính toán và lựa chọn có ý thức bởi một cá nhân hay một nhóm người nhằm thỏa mãn lợi ích và đạt được những mục tiêu nhất định. Biên giới tộc người thực ra chỉ là những thành tố không ngừng được tái tạo, dễ bị xuyên phá và tương đối lỏng lẻo (Barth, 1969b).

Để tóm tắt, có thể nêu ra bốn quan điểm chính của trường phái này như sau:

- Tính tộc người không căn bản hơn hoặc mạnh hơn các loại bản sắc khác.

- Tính tộc người không phải là một cố kết chặt chẽ. Các cá nhân có nhiều bản sắc và các bản sắc này thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh sinh tồn.

- Động lực là để đạt được một cái gì đó. Người ta tham gia vào các trào lưu tộc người khi có một ích lợi gì đó để làm như vậy. Hơn nữa, khi nó có ích, người ta thậm chí sáng tạo ra những bản sắc mới.

- Tính tộc người dẫn đến xung đột khi người ta tham gia vào xung đột sẽ đạt được cái gì đó.

Những quan điểm đối lập về tính tộc người của hai trường phái lý thuyết nói trên có vẻ được dựa trên những lập luận có tính

cực đoan. Thực ra, có thể đồng ý với *bản thể luận* ở chỗ nó cho rằng tính tộc người không phải bỗng dưng mà có, nó phải được hình thành trên cơ sở ý thức của cộng đồng về một cội nguồn chung, trong đó, các thành viên của cộng đồng tin rằng những đặc điểm chung về văn hóa mà họ chia sẻ là bằng chứng. Như cách giải thích của Keyes (1976, tr. 208; 1979), cội nguồn chung của một tộc người không giống như phả hệ của một dòng họ. Nó không nhất thiết phải là một sự kiện có thật nhưng niềm tin về một cội nguồn chung đối với họ cũng có giá trị như một sự kiện có thật. Trên cơ sở quan điểm như vậy, Keyes đã gợi ý rằng cơ sở của sự tồn tại của một cộng đồng dân cư với tính cách là một dân tộc không phải là bản thân những đặc điểm văn hóa, kể cả những đặc điểm rõ rệt mà một người quan sát từ bên ngoài có thể nhận thấy được. Ví dụ, hàng trăm ngàn người Hmông đang sinh sống tại Mỹ chẳng hạn, phần đông họ không còn nói tiếng Hmông, mặc quần áo, nhà ở, thức ăn kiểu truyền thống, có nghĩa là những nét văn hóa đặc trưng mà ta nhìn thấy không còn hiện diện, nhưng họ vẫn tự nhận mình là người Hmông, và khi gặp nhau họ dễ dàng nhận ra nhau, thậm chí là thứ bậc trong quan hệ thân tộc nhờ vào truy nguyên gốc gác tổ tiên và tên gọi của mình. Tương tự như vậy, hầu hết người Hoa ở Thái Lan đã hội nhập sâu vào xã hội Thái địa phương và không còn nói tiếng Hoa mẹ đẻ nhưng họ vẫn nhận là người Hoa do truy nguyên nguồn gốc của mình.

Tuy nhiên, phải thừa nhận một thực tế rằng bản sắc tộc người không phải là một thực thể vĩnh viễn và bất biến như *bản thể luận* đã giả thiết. Bản sắc tộc người có thể thay đổi khi xã hội thay đổi, và chắc chắn

chúng không phải là cái gì “sâu kín”, riêng tư và bất biến. Điều đó cũng có nghĩa rằng bức tranh thành phần dân tộc ở một địa phương nào đó không phải lúc nào cũng rõ ràng, dứt khoát và bất biến. Nếu không lưu ý đến những yếu tố thay đổi theo tình huống này, nhà nghiên cứu có thể đưa ra một mô hình phân loại chặt chẽ, dứt khoát và trong một số trường hợp, có thể họ vô tình gọt dũa thực tế như kiểu “đeo chân cho vừa giày” (Eriksen, 1993, tr. 62).

Cuộc tranh luận về tính tộc người giữa hai trường phái lý thuyết nói trên, dù sự khác biệt có tính đối lập, đã mang lại những nhận thức mới của giới Dân tộc học về khái niệm tính tộc người. Nhận xét về sự khác biệt này, Phan Ngọc Chiến cho rằng giới nghiên cứu gần đây nói chung có quan điểm dung hòa giữa hai lý thuyết và “thừa nhận rằng bản chất hiện tượng dân tộc chứa đựng những khía cạnh khác nhau mà cả hai quan điểm lý thuyết đã nêu lên” (2005).

Những quan điểm lý thuyết về tính tộc người nói trên một mặt phản ánh tính đa dạng và phức tạp của bức tranh tộc người ở các xã hội Âu Mỹ, nhưng mặt khác, nó cũng gợi ra những quan niệm khác nhau về tính tộc người. Trên thực tế phân loại tộc người ở Bắc Mỹ, Anh và Úc, người ta không thể tách bạch được hai hiện tượng tộc người (*ethnic*) và chủng tộc (*race*) vì hiện tượng hỗn huyết chằng chéo giữa các chủng tộc và dân tộc như được phản ánh trong khái niệm đa sắc tộc/chủng tộc của một bộ phận cư dân. Và đây là lý do xuất hiện trạng thái mơ hồ về bản sắc ở nhiều cộng đồng dân cư. Vì vậy, các nhà thống kê và quản lý dân số thường đau đầu với các tiêu chí phân loại

tộc người. Tổ chức *The Australian Standard Classification of Cultural and Ethnic Groups* (ASCCEG) sử dụng các thông tin liên quan các chủ đề như tổ tiên, bản sắc tộc người, và đa dạng văn hóa để phân tích. Người ta cho rằng bản thân từ *ethnicity* và *ethnic* gắn với những ý nghĩa khác nhau nhưng nói chung, dữ liệu về nguồn gốc thường được sử dụng như một yếu tố quan trọng trong mối liên hệ với một hay nhiều yếu tố khác, trong đó có các yếu tố thân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, địa bàn cư trú, dân tộc và biểu hiện bề ngoài của nhân chủng (ASCCEG, 2012; xem: Borrie CBE, 1984).

Các nhà thống kê Anh và Mỹ dường như cũng chia sẻ quan niệm chung trong định nghĩa về tộc người như được Berhoud, M. và Smith (1977) nêu ra như sau:

“Về nguyên tắc, một nhóm tộc người được xác định như một cộng đồng người mà trong đó các thành viên thừa hưởng những đặc điểm chung và làm cho họ khác với các cộng đồng khác. Có một ranh giới nào đó phân biệt “chúng ta” và “họ”, và ranh giới làm nên sự khác biệt này được cả hai bên công nhận”.

“Tính tộc người (*ethnicity*) là một hiện tượng đa chiều kích dựa trên biểu hiện thể chất (nhân chủng), sự xác định có tính chủ quan, mối quan hệ văn hóa và tôn giáo, khuôn mẫu và sự loại trừ xã hội” (National Statistics, 2003).

Nhìn vào bảng phân loại tộc người mà các nhà phân loại Mỹ dựa trên tiêu chí phân loại riêng thu được cho thấy thành phần nhân chủng/tộc người của cư dân Mỹ được phân thành các nhóm lớn sau đây: White (da trắng),

Latino, Asian (châu Á), Black hay người Mỹ gốc Phi, American Indian/Alaska Native White (thổ dân Mỹ, thổ dân Alaska da trắng (AIAN), Native Hawaii (thổ dân Hawaii và đảo Thái Bình Dương (NHOPI), và các nhóm nhân chủng khác (Mays et al., 2003).

#### 4. Kết luận

Dân tộc học Mỹ ra đời muộn nhưng đang chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục phổ thông và đại học. Trên cơ sở tiếp cận liên ngành và đa ngành, Dân tộc học Mỹ chủ yếu nhắm vào đối tượng các tộc người và nhân chủng được cho là thiểu số sinh sống trên lãnh thổ nước Mỹ và liên hệ thân thuộc xuyên quốc gia của họ.

Những nguy cơ tiềm tàng của xung đột tộc người, nhân chủng và văn hóa cũng như những thay đổi trong đời sống xã hội thế giới đã làm cho Dân tộc học Mỹ được đề cao vì nó nhằm giáo dục cho thế hệ trẻ những kiến thức về sự khác biệt văn hóa và sự cần thiết phải tôn trọng những khác biệt thay vì phi báng và phân biệt.

Những tranh luận lý thuyết về hiện tượng tộc người và quan niệm về tính tộc người của các nhà Dân tộc học Mỹ được phát triển trên cơ sở thực tế tồn tại của xã hội Mỹ, một xã hội được gắn kết trên cơ sở đa dạng về tộc người và chủng tộc. Tuy nhiên, khác với Việt Nam và Trung Quốc có xu hướng hành chính hóa danh mục tộc người, sự phân loại dân tộc ở các nước Âu - Mỹ hướng đến việc tìm hiểu cấu trúc văn hóa và thành phần tộc người/nhân chủng của dân số, đặc biệt là các khuôn mẫu bệnh tật và chăm sóc y tế.

Việt Nam là một quốc gia đa sắc tộc và vấn đề người thiểu số được Nhà nước đặc biệt quan tâm thông qua hệ thống thể chế, pháp luật và chính sách phát triển. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục phổ thông và đại học Việt Nam chưa chú trọng đến việc phổ biến kiến thức về tộc người, sự đa dạng văn hóa và thái độ tôn trọng đối với nền văn hóa của các tộc người thiểu số.

#### Tài liệu tham khảo

1. “Arizona Law Targets Ethnic Studies”, <http://revcom.us/a/202/arizona-en.html>
2. ASCCEG (2012), About the Classification, <http://www.abs.gov.au/ausstats/abs@.nsf/Lookup/1249.0main+features22011>
3. Aspinall, P. J. (2003), “The conceptualisation and Categorisation of Mixed Race/Ethnicity in Britain and North America: Identity Options and the Role of the State”, *International Journal of Intercultural Relations*, Vol. 27, No. 3, May 2003, tr. 269-296.
4. Barth, Fredrik (1969a), “Introduction”, in: Fredrik Barth (ed.), *Ethnic Change and Boundaries*, Little Brown, Boston, tr. 1-38.
5. Barth, Fredrik (1969b), “Introduction”, In: Fredrik Barth (ed.), *Ethnic groups and boundaries: The social organization of cultural difference*, Little, Brown, Boston, tr. 9-38; “Pathan identity and its maintenance”, In: Fredrik Barth (ed.), đã dẫn ở trên, tr. 117-134.
6. Berry, Christina (2008), I Know I'm Cherokee, But How Do I Prove It, [http://www.allthingscherokee.com/faq\\_proving.html](http://www.allthingscherokee.com/faq_proving.html)

7. Borrie CBE (1984), *The Measurement of Ethnicity in the Australian Census of Population and Housing*, Report to the Australian Statistician (the Borrie Report) published in April 1984.
8. Campus politics: College students renew demands for ethnic studies programs. *Asian Week*, May 16, 1996, <http://www.asianweek.com/051096/CampusPoli.html>
9. Phan Ngọc Chiển (2005), Những khía cạnh học thuật trong vấn đề xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam, <http://www.vannghesongcuulong.org>
10. Churchill, Ward (1998), *Pacifism as Pathology: Reflections on the Role of Armed Struggle in North America*, Arbeiter Ring Publisher; ISBN 978-1-894037-07-5.
11. Churchill, Ward (Spring 2005), “The Ghosts of 9-1-1: Reflections on History, Justice and Roosting Chickens”, *Alternative Press Review* No. 9 (1), tr. 45-56.
12. CNN (13/5/2010), “Arizona limits ethnic studies in public schools”.
13. Dills, Isabelle, Educators speak out for ethnic studies, *NapaValley Register* 5/5/2012, [http://napavalleyregister.com/news/local/educators-speak-out-for-ethnic-studies/article\\_68b242b8-9666-11e1-b7ee-0019bb2963f4.html](http://napavalleyregister.com/news/local/educators-speak-out-for-ethnic-studies/article_68b242b8-9666-11e1-b7ee-0019bb2963f4.html)
14. Eriksen, Thomas Hylland (1993), *Ethnicity and Nationalism: Anthropological Perspectives*, Boulder, London; Colorado: Pluto Press.
15. Geertz, Clifford (1973), “The Integrative Revolution: Primordial Sentiments and Civil Politics in the New States”, *The Interpretation of Culture*, Basics Books, Inc., Publishers, New York, tr. 225-310.
16. Keyes, Charles F. (1976), “Towards a new formulation of the concept of ethnic group”, *Ethnicity* 3 (3), tr. 202-213.
17. Keyes, Charles F. (1979), *Ethnic Adaptation and Identity: The Karen on the Thai Frontier with Burma*, The Institute for the Study of Human Issues, Philadelphia.
18. Mays, Vickie et al. (2003), “Classification of Race and Ethnicity. Implications for Public Health”, *Annu. Rev. Public Health* 2003, 24, tr. 83-110.
19. Monteiro, Kenneth P. (2010), *Who Gets to Define Ethnic Studies?* <http://chronicle.com/article/Who-Gets-to-Define-Ethnic/66093/> July 4, 2010.
20. National Statistics (2003), *Ethnic groups statistics: A guide for the collection and classification of ethnic data*, Norwich, UK.
21. Okihiro, Gary Y (2010), “Tương lai của Dân tộc học” [The Future of Ethnic Studies, The field is under assault from without and within], <http://chronicle.com/article/The-Future-of-Ethnic-Studies/66092/>
22. Nguyễn Mạnh Quân, “Xã hội hậu khoa học” và những gợi suy cho Việt Nam, Báo *Tia Sáng* 17/8/2010, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=3397&CategoryID=36>
23. Sleeter, Christine E. (2011), *The Academic and Social Value of Ethnic Studie: A Research Review*, Washington DC.
24. Ward Churchill NOT of Native American Descent; <http://ancestryman.blogspot.com/2005/02/ward-churchill-not-of-native-american.html>